

ĐƠN VỊ CƠ BẢN

Bài 1. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

$1\text{km} = \dots\dots\dots\text{hm}$

$1\text{mm} = \dots\dots\dots\text{cm}$

$1\text{hm} = \dots\dots\dots\text{dm}$

$1\text{dm} = \dots\dots\dots\text{m}$

$1\text{km} = \dots\dots\dots\text{m}$

$1\text{mm} = \dots\dots\dots\text{m}$

$204\text{m} = \dots\dots\dots\text{dm}$

$36\text{dm} = \dots\dots\dots\text{m}$

$148\text{dm} = \dots\dots\dots\text{cm}$

$70\text{hm} = \dots\dots\dots\text{dm}$

$4000\text{mm} = \dots\dots\dots\text{m}$

$742\text{km} = \dots\dots\dots\text{hm}$

$1800\text{cm} = \dots\dots\dots\text{m}$

$950\text{cm} = \dots\dots\dots\text{dm}$

Bài 2. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

$5\text{km } 27\text{m} = \dots\dots\dots\text{m}$

$8\text{m } 14\text{cm} = \dots\dots\dots\text{cm}$

$246\text{dm} = \dots\dots\dots\text{m} \dots\dots\text{dm}$

$3127\text{cm} = \dots\dots\text{m} \dots\dots\text{cm}$

$7304\text{ m} = \dots\dots\text{km} \dots\dots\text{m}$

$36\text{ hm} = \dots\dots\text{ m}$

Bài 3. Điền dấu ($>$; $<$; $=$) thích hợp vào chỗ chấm:

$9\text{m } 50\text{cm} \dots\dots\dots 905\text{cm}$

$4\text{km } 6\text{m} \dots\dots\dots 40\text{hm}$

$5\text{m } 500\text{m} \dots\dots\dots \text{km}$

$5\text{dam} \dots\dots\dots \text{km}$

$5\text{m } 56\text{cm} \dots\dots\dots 556\text{cm}$

$5\text{km } 7\text{m} \dots\dots\dots 57\text{hm}$

Bài 4. Thực hiện phép tính (đơn vị: cm).

a) $3\text{m}40\text{cm} + 4\text{m}24\text{cm} - 5\text{m}69\text{cm}$

b) $72\text{m}6\text{cm} - 56\text{m}50\text{cm} + 7\text{m}44\text{cm}$

c) $8\text{m}27\text{dm} + 3\text{m}35\text{cm} + 3\text{dm}65\text{cm}$

d) $98\text{m}20\text{cm} * 2 + 23\text{m}30\text{cm} * 2$

e) $18\text{m}40\text{cm} * 4 + 80\text{m}5\text{dm} * 8$

f) $87\text{m}23\text{dm} : 2$

g) $9\text{m}8\text{dm}7\text{cm} : 3$

h) $90\text{dm}30\text{cm} : 10$

i) $19\text{dm}8\text{cm} : 3$

j) $36\text{m}8\text{dm}7\text{cm} : 3$

Bài 5. Tìm y (đơn vị: cm).

a) $y + 37\text{dm} + 13\text{m} = 91\text{dam}$

b) $(5 + 20) * y = 525 \text{ m}$

c) $6 * y - 24 \text{ cm} = 636 \text{ cm}$

d) $y * 4 - 25 \text{ dm} = 75 \text{ cm}$

e) $y + 45\text{m} - 4\text{m} = 41 \text{ m}$

Bài 6. Một ô tô chạy 100km hết 12 lít xăng. Hỏi cần bao nhiêu xăng khi ô tô chạy quãng đường thứ nhất 138km và quãng thứ hai 162km

Bài 7. Có hai sợi dây, sợi thứ nhất dài hơn sợi thứ hai 54m. Nếu cắt đi 1200cm ở mỗi sợi thì phần còn lại của sợi thứ nhất gấp 4 lần phần còn lại của sợi thứ hai. Hỏi mỗi sợi dây dài bao nhiêu m?

Bài 8. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

47 tấn = kg

$\frac{1}{5}$ tấn =kg

1 hg = tấn

7kg 5g =g

5hg 68g =g

2070kg =tấn.....kg

5500g =kg

640 tạ =kg

$$1/5\text{tạ} = \dots\dots\dots \text{kg}$$

$$1\text{kg} = \dots\dots\dots \text{tấn}$$

$$3\text{kg}25\text{g} = \dots\dots\dots \text{g}$$

$$9\text{ tạ } 3\text{kg} = \dots\dots\dots \text{kg}$$

$$8760\text{kg} = \dots\dots \text{tạ} \dots\dots \text{kg}$$

$$7080\text{g} = \dots\dots \text{kg} \dots\dots \text{g}$$

Bài 9. Điền dấu (> ; < ; =) thích hợp vào chỗ chấm:

$$5\text{ tấn } 2\text{ tạ} \dots\dots 52\text{ tạ}$$

$$23\text{kg}605\text{g} \dots\dots 236\text{hg}4\text{ g}$$

$$3050\text{ kg} \dots\dots 4\text{ tấn } 5\text{ yến}$$

$$1/2\text{ tạ} \dots\dots 60\text{ kg}$$

Bài 10. Viết số hoặc phân số thích hợp vào chỗ chấm:

$$14\text{dam}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$$

$$1700\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{dam}^2$$

$$16\text{dam}^2 10\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$$

$$37\text{dam}^2 9\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$$

$$1\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{dam}^2$$

$$8\text{dam}^2 = \dots\dots\dots \text{hm}^2$$

$$26\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{dam}^2$$

$$42\text{dam}^2 = \dots\dots\dots \text{hm}^2$$

$$15\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$$

$$7\text{dam}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$$

Bài 11. Viết các số đo sau dưới dạng số đo có đơn vị là dam²

$$2\text{dam}^2 16\text{m}^2$$

$$8\text{dam}^2 62\text{m}^2$$

$$52\text{dam}^2 40\text{m}^2$$

$$46\text{dam}^2 5\text{m}^2$$

$$16\text{dam}^2 29\text{m}^2$$

$$32\text{dam}^2 9\text{m}^2$$

$$3\text{km}^2 4\text{cm}^2$$

$$13\text{ hm}^2 24\text{dm}^2$$

Bài 12. Ông Tư mua một khu đất hình chữ nhật dài 48m, rộng 25m. Ông thuê rào chung quanh bằng lưới giá 2500 đồng/dm. Hỏi ông tốn tất cả bao nhiêu tiền, biết lúc rào ông có chừa lối đi rộng 2m.

Bài 13. Viết số hoặc phân số thích hợp vào chỗ chấm:

$$1\text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$$

$$21\text{mm}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$$

$$17\text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{mm}^2$$

$$7\text{km}^2 \ 5\text{hm}^2 = \dots\dots\dots \text{dam}^2$$

$$2100\text{mm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$$

$$2\text{m}^2 \ 12\text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$$

$$45\text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$$

$$34\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$$

$$347 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$$

$$90\text{m}^2 \ 200\text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$$

Bài 14. Điền dấu (> ; < ; =) thích hợp vào chỗ chấm:

$$850\text{cm}^2 \dots\dots\dots 12\text{dm}^2$$

$$302\text{mm}^2 \dots\dots\dots 3\text{dm}^2 \ 2\text{mm}^2$$

$$3\text{m}^2 \ 92\text{dm}^2 \dots\dots\dots 4\text{m}^2$$

$$51\text{km}^2 \dots\dots\dots 510\text{hm}^2$$

$$2015\text{m}^2 \dots\dots\dots 2\text{hm}^2 \ 15\text{m}^2$$

$$32\text{km}^2 \ 45\text{m}^2 \dots\dots\dots 3200\text{hm}^2$$

$$67 \text{ m}^2 \dots\dots\dots 6700 \text{ cm}^2$$

$$27 \text{ dm}^2 \ 34 \text{ cm}^2 \dots\dots\dots 2734\text{cm}^2$$

$$573 \text{ hm}^2 \dots\dots\dots 57\text{km}^2$$

$$34\text{dm}^2 \ 34\text{mm}^2 \dots\dots\dots 3434\text{cm}^2$$

Bài 15. Bác Tư trồng lúa mì trên hai mảnh đất, cuối năm thu được 5795kg. Mảnh đất thứ hai thu kém mảnh đất thứ nhất 1125kg. Hỏi mảnh đất thứ hai thu được bao nhiêu yến lúa mì?

Bài 16. Dệt một tá khăn hết 540g sợi. Hỏi dệt 1000 chiếc khăn như vậy thì hết bao nhiêu kilogam sợi?

Bài 17. Người ta cấy lúa trên một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài 120m, chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài. Trung bình 150m² thu được 60kg lúa. Hỏi thửa ruộng đó thu được bao nhiêu tạ lúa?

Bài 18. Một thửa ruộng hình chữ nhật có nửa chu vi là 160m, chiều rộng bằng $\frac{3}{5}$ chiều dài. Trung bình cứ 500m^2 thì thu được 250kg lúa. Hỏi người ta thu được bao nhiêu tấn lúa trên thửa ruộng?

Bài 19. Một thửa ruộng hình chữ nhật chiều rộng bằng $\frac{3}{5}$ chiều dài và có chu vi bằng chu vi của một thửa hình vuông cạnh 32m. Tính diện tích mỗi thửa.

Bài 20. Một người đến cửa hàng vải mua $\frac{1}{10}$ tấm vải. Nếu người đó mua thêm 4m nữa thì số vải bây giờ sẽ bằng $\frac{1}{9}$ tấm vải. Hỏi tấm vải dài bao nhiêu m?

Bài 21. An có 20 vở, Bình có số vở bằng $\frac{1}{2}$ An. Nam có số vở hơn trung bình cộng của ba bạn là 6 quyển. Hỏi Nam có bao nhiêu vở?

Bài 22. Một kho chứa 3 tấn gạo. Ngày thứ nhất xuất 800kg gạo, số gạo xuất trong ngày thứ hai bằng $\frac{3}{2}$ số gạo xuất trong ngày đầu. Hỏi ngày thứ ba kho xuất bao nhiêu tấn gạo?

Héc – ta: Đơn vị Hecta dùng để đo ruộng đất

Bài 23. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

$12\text{ha} = \dots\dots\dots\text{m}^2$	$\frac{1}{4}\text{ha} = \dots\dots\dots\text{m}^2$
$42\text{km}^2 = \dots\dots\dots\text{ha}$	$\frac{1}{100}\text{ha} = \dots\dots\dots\text{m}^2$
$160.000\text{m}^2 = \dots\dots\dots\text{ha}$	$\frac{2}{5}\text{km}^2 = \dots\dots\dots\text{ha}$

Bài 24. Điền dấu (> ; < ; =) thích hợp vào chỗ chấm:

5m^2	3dm^2	$\dots\dots\dots$	53dm^2	670ha	$\dots\dots\dots$	61km^2	
8cm^2	5mm^2	$\dots\dots\dots$	8cm^2	7dm^2	6cm^2	$\dots\dots\dots$	710cm^2

Bài 25. Một khu đất hình chữ nhật có chiều dài 400m, chiều rộng bằng $\frac{3}{4}$ chiều dài. Hỏi diện tích khu đất đó bằng bao nhiêu héc-ta ?

Bài 26. Diện tích một khu rừng ngập mặn là 12ha, trong đó $\frac{7}{10}$ diện tích trồng tràm. Hỏi diện tích còn lại là bao nhiêu mét vuông

Bài 27. Bà Tư có một khu đất hình vuông cạnh 13m. Bà rào xung quanh bằng 5 đường kẽm gai. Nếu bà mua một cuộn kẽm gai dài 400m thì còn thừa bao nhiêu mét, biết rằng bà chừa 2m làm cổng?

Bài 28. Một miếng bìa hình chữ nhật. Nếu chiều dài cắt đi $\frac{1}{5}$ thì diện tích miếng bìa giảm 240dm^2 . Hỏi diện tích ban đầu là bao nhiêu m^2 ?